

Số: /TB-UBND

Hạ Hòa, ngày tháng 02 năm 2023

## **THÔNG BÁO**

**Về việc thu hồi đất bổ sung phục vụ dự án: Đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với Quốc lộ 70B, Quốc lộ 32C tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Yên Bái thuộc địa bàn xã Vô Tranh, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ**

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ các Quyết định: Số 11/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014; Số 12/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015; Số 22/2017/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;*

*Căn cứ Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ;*

*Căn cứ Văn bản số 90/SGTVT-QLDA ngày 21/02/2023 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ về việc triển khai thực hiện dự án: Đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với Quốc lộ 70B, Quốc lộ 32C tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Yên Bái;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường,*

*UBND huyện Hạ Hòa thông báo chủ trương thu hồi đất bổ sung để thực hiện dự án: Đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với Quốc lộ 70B, Quốc lộ 32C tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Yên Bái thuộc địa bàn xã Vô Tranh, huyện Hạ Hòa với các nội dung sau:*

1. Tổng diện tích thu hồi đất: Dự kiến: 1.846,3 m<sup>2</sup>;

Trong đó:

- + Đất trồng lúa nước (LUC) là: 772,3 m<sup>2</sup>;
- + Đất trồng cây hàng năm khác (BHK) là: 567,0 m<sup>2</sup>;
- + Đất trồng cây lâu năm (CLN) là: 288,6 m<sup>2</sup>;
- + Đất vườn là: 218,5 m<sup>2</sup>.

2. Loại đất đang sử dụng: Đất nông nghiệp

(Có danh sách chi tiết đính kèm).

3. Vị trí, địa điểm thu hồi đất tại địa bàn xã Vô Tranh, huyện Hạ Hòa.

#### 4. Phân công tổ chức thực hiện:

- Giao cho UBND xã Vô Tranh tổ chức họp dân, thông báo chủ trương thu hồi đất phục vụ dự án.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm xác định, bàn giao mốc giới xây dựng (theo hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công được duyệt) ngoài thực địa cho UBND xã Vô Tranh theo dõi, quản lý.

- Hội đồng BT- HT&TĐC huyện phối hợp với UBND xã Vô Tranh tổ chức xác định diện tích đất, thống kê tài sản gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

UBND huyện Hạ Hòa thông báo để UBND xã Vô Tranh các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ dân thuộc phạm vi thu hồi đất phục vụ công trình biết, thực hiện./.

#### ***Nơi nhận:***

- CT, các PCT;
- Các phòng: TC-KH, TN&MT, KT-HT, NN&PTNT;
- UBND xã Vô Tranh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Hồng**

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng 02 năm 2023 của UBND huyện Hạ Hòa)

STT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Diện tích hiện trạng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất thu hồi					Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
			Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa			Đất LUC	Đất BHK	Đất CLN	Đất ONT+CLN	Tổng		
1	Lê Thị Vân	Khu 4	1	110	25	158	ONT+CLN	153,9				8,3	8,3	145,6	
2	Nguyễn Văn Trường	Khu 4	1	111	25	357	ONT+CLN	109,9				9,8	9,8	100,1	
3	Đoàn Văn Ngà	Khu 4	1	112	25	358	ONT+CLN	117,4				11,9	11,9	105,5	
4	Đỗ Tâm Nghĩa Đại	Khu 4	1	113	25	359	ONT+CLN	264,1				28,6	28,6	235,5	
5	Đỗ Văn Bảo	Khu 4	1	114	25	146	ONT+CLN	584,2				73,7	73,7	510,5	
6	Đỗ Văn Bảo	Khu 4	1	115	25	339	CLN	1180,9			110,5		110,5	1070,4	
7	Nguyễn Văn Viễn	Khu 4	1	116	25		CLN	317,1			178,1		178,1	139,0	
8	Trần Thiện Lộc	Khu 4	1	117	25	122	ONT+CLN	1386,9				35,1	35,1	1351,8	
9	Nguyễn Bá Phong	Khu 4	1	118	25	112	ONT+CLN	674,1				51,1	51,1	623,0	
10	Nguyễn Văn Giáp	Khu 3	1	119	37	137	BHK	490,1		38,1			38,1	452,0	
11	Hoàng Văn Mười	Khu 3	1	120	37	136	BHK	450,6		31,6			31,6	419,0	
12	Đỗ Hồng Lâm	Khu 3	1	121	37	135	BHK	207,6		4,6			4,6	203,0	
13	Cao Văn Nội	Khu 3	1	122	37	134	BHK	196,1		3,2			3,2	192,9	
14	Đỗ Hùng Thuận	Khu 3	1	123	37	133	BHK	178,4		2,2			2,2	176,2	
15	Phạm Thị Đáng	Khu 3	1	124	37	132	BHK	187,5		2,3			2,3	185,2	
16	Bùi Duy Vân	Khu 3	1	58	37	131	BHK	307,5		3,1			3,1	304,4	
17	Phạm Văn Thung	Khu 3	1	59	37	130	BHK	189,0		1,3			1,3	187,7	
18	Nguyễn Kim Liên	Khu 3	1	33	37	111	BHK	261,2		1,7			1,7	259,5	

19	Phi Hùng Dũng	Khu 3	1	34	37	43	BHK	180,1		2,0			2,0	178,1	
20	Nguyễn Văn Giáp	Khu 3	1	35	37	42	BHK	150,0		2,2			2,2	147,8	
21	Đỗ Ngọc Quế	Khu 3	1	36	37	41	BHK	268,9		5,6			5,6	263,3	
22	Đỗ Văn Chế	Khu 3	1	37	37	40	BHK	136,7		3,7			3,7	133,0	
23	Nguyễn Thị Hòa	Khu 3	1	38	37	39	BHK	114,1		3,8			3,8	110,3	
24	Đỗ Ngọc Lợi	Khu 3	1	39	37	38	BHK	191,1		4,3			4,3	186,8	
25	Đỗ Văn Công	Khu 3	1	41	37	37	BHK	231,4		6,4			6,4	225,0	
26	Nguyễn Xuân Học	Khu 3	1	42	37	36	BHK	206,8		1,8			1,8	205,0	
27	Phạm Thị Đáng	Khu 3	1	27	37	396	BHK	160,9		3,2			3,2	157,7	
28	Nguyễn Văn Bi	Khu 3	1	125	37	14	BHK	73,4		4,2			4,2	69,2	
29	Bùi Duy Vân	Khu 3	1	126	37	16	BHK	187,0		8,4			8,4	178,6	
30	Đỗ Thị Lữ	Khu 3	1	127	37	17	BHK	114,9		4,6			4,6	110,3	
31	Bùi Văn Sen	Khu 3	1	128	37	18	BHK	114,4		4,9			4,9	109,5	
32	Nguyễn Kim Thanh	Khu 3	1	129	37	397	BHK	174,3		6,7			6,7	167,6	
33	Đỗ Văn Viễn	Khu 3	1	130	37	19	BHK	102,5		2,7			2,7	99,8	
34	Nguyễn Văn Trường	Khu 3	1	131	37	20	BHK	209,7		7,7			7,7	202,0	
35	Đỗ Thị Cài	Khu 3	1	132	37	21	BHK	108,7		7,2			7,2	101,5	
36	Đỗ Thị Mậu	Khu 3	1	133	37	22	BHK	158,1		12,8			12,8	145,3	
37	Đỗ Thị Cài	Khu 3	1	134	37	23	BHK	175,6		19,7			19,7	155,9	
38	Đỗ Văn Núi	Khu 3	1	135	37	24	BHK	126,3		15,4			15,4	110,9	
39	Nguyễn Thị Thanh	Khu 3	1	136	37	25	BHK	129,7		17,2			17,2	112,5	
40	Dương Thị Thức	Khu 3	1	137	37	26	BHK	110,5		15,2			15,2	95,3	
41	Đỗ Văn Long	Khu 3	1	138	37	27	BHK	127,3		18,0			18,0	109,3	

42	Nguyễn Thị Hòa	Khu 3	1	139	37	28	BHK	135,4		17,8			17,8	117,6	
43	Phạm Văn Thường	Khu 3	1	140	37	29	BHK	124,7		15,1			15,1	109,6	
44	Đỗ Thị Cài	Khu 3	1	141	37	30	BHK	74,7		9,0			9,0	65,7	
45	Nguyễn Văn Giáp	Khu 3	1	142	37	369	BHK	67,5		9,5			9,5	58,0	
46	Đỗ Hồng Lâm	Khu 3	1	143	37	1	BHK	142,5		17,6			17,6	124,9	
47	Đỗ Văn Thế	Khu 3	1	144	37	2	BHK	115,9		14,8			14,8	101,1	
48	Đỗ Ngọc Vĩnh	Khu 3	1	145	37	3	BHK	141,0		18,7			18,7	122,3	
49	Đỗ Văn Đoàn	Khu 3	1	146	37	4	BHK	156,0		20,3			20,3	135,7	
50	Bùi Văn Sỹ	Khu 3	1	147	37	5	BHK	139,8		24,5			24,5	115,3	
51	Đỗ Thị Tú	Khu 3	1	148	37	6	BHK	272,2		55,5			55,5	216,7	
52	Bùi Văn Kỹ	Khu 3	1	149	37	7	BHK	117,8		23,1			23,1	94,7	
53	Đỗ Thị Tú	Khu 3	1	150	37	8	BHK	194,1		37,5			37,5	156,6	
54	Nguyễn Thị Sơn	Khu 3	1	151	37	9	BHK	87,5		17,2			17,2	70,3	
55	Nguyễn Kim Thanh	Khu 3	1	152	37	10	BHK	90,3		10,4			10,4	79,9	
56	Đỗ Văn Đoàn	Khu 3	1	153	37	11	BHK	88,9		5,1			5,1	83,8	
57	Cao Văn Nội	Khu 3	1	154	37	12	BHK	91,2		5,1			5,1	86,1	
58	Hoàng Văn Mười	Khu 3	3	22	39	379	LUC	181,3	9,0				9,0	172,3	
59	Đỗ Văn Chế	Khu 3	3	8	39	381	LUC	247,7	108,1				108,1	139,6	
60	Phạm Văn Nghìn	Khu 3	3	23	39	380	LUC	142,8	8,6				8,6	134,2	
61	Phạm Văn Nghìn	Khu 3	3	4	39	382	LUC	76,7	46,3				46,3	30,4	
62	Phạm Văn Quang	Khu 3	3	5	39	326	LUC	294,9	109,4				109,4	185,5	
63	Phạm Văn Quang	Khu 3	3	7	39	323	LUC	168,7	125,2				125,2	43,5	
64	Dương Thị Thức	Khu 3	3	24	39	324	LUC	304,2	61,4				61,4	242,8	

65	Đỗ Văn Đam	Khu 3	3	25	39	321	LUC	300,6	64,7				64,7	235,9	
66	Phạm Văn Phước	Khu 3	3		39	322	LUC	528,7	239,6				239,6	289,1	
<b>Tổng diện tích</b>								<b>15094,0</b>	<b>772,3</b>	<b>567,0</b>	<b>288,6</b>	<b>218,5</b>	<b>1846,3</b>	<b>13247,7</b>	